

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **04/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 - 4 - 2021

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Mau,

2. Bà Cù Thị Như Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lại Thị N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Nam R, xã Đ, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn A, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Nam R, xã Đ, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lại Thị N trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn A chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống chị và anh A xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống khác nhau. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh A. Chị yêu cầu Tòa án chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh A bằng việc không công nhận vợ chồng.

Chị và anh Đỗ Văn A có hai con chung là cháu Đỗ Thị B, sinh ngày 04/8/2001 và cháu Đỗ Văn T, sinh ngày 10/10/2007. Cháu Đỗ Thị B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Đỗ Văn T có nguyện vọng

được sống với anh A. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con chung, đồng ý giao cháu T cho anh A nuôi dưỡng.

Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng, tài sản, nợ chung.

Bị đơn anh Đỗ Văn A trình bày:

Anh và chị N chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp. Nay anh A đồng ý Tòa án không công nhận anh và chị N là vợ chồng theo yêu cầu khởi kiện của chị N.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung là cháu Đỗ Thị B, sinh ngày 04/8/2001 và cháu Đỗ Văn T, sinh ngày 10/10/2007. Cháu Đỗ Thị B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đỗ Văn T, anh A yêu cầu Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu và quyết định giao cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Văn T đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Đỗ Văn A không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự: Điều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị N; tuyên bố không công nhận chị Lại Thị N và anh Đỗ Văn A là vợ chồng; giao con chung là Đỗ Văn T, sinh ngày 10/10/2007 cho anh Đỗ Văn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng, tài sản, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn chung sống như vợ chồng, có 02 con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng và giải quyết nuôi con chung. Bị đơn cư trú tại thôn Nam R, xã Đ, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 7, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “Yêu cầu không công nhận vợ chồng và tranh chấp về nuôi con”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

[1.2] Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lại Thị N và anh Đỗ Văn A thừa nhận chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn.

Giấy tờ, tài liệu do chị N cung cấp thể hiện: Trong thời gian chung sống như vợ chồng, chị N và anh N cùng sinh sống tại xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hoá từ năm 1992 đến ngày 23/01/2015 anh chị chuyển đến xã Đ, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Tại công văn số 58/UBND-TP ngày 05/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã Đ thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông thể hiện: Trong thời gian chị Lại Thị N và anh Đỗ Văn A cư trú tại địa phương từ năm 2015 đến nay, anh chị chưa đăng ký kết hôn.

Tại công văn số 28/UBND-TP ngày 16/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hoá thể hiện: Sổ đăng ký kết hôn từ năm 2005 trở về trước địa phương không còn lưu giữ. Sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 2005 đến nay không có thông tin chị Lại Thị N và anh Đỗ Văn A đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

Như vậy, việc chị N và anh A chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị N.

[2.2] Về con chung: Chị Lại Thị N và anh Đỗ Văn A thừa nhận có hai con chung là Đỗ Thị B, sinh ngày 04/8/2001 và cháu Đỗ Văn T, sinh ngày 10/10/2007. Cháu Ngoan đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Chị N và anh A cùng thoả thuận giao cháu Đỗ Văn T cho anh A nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2021 cháu Đỗ Văn T trình bày nguyện vọng muốn được ở với anh A.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”

Nhận thấy việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con của chị N và anh A là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử có căn cứ công nhận sự thỏa thuận đó, giao con chung cho anh Đỗ Văn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản, công nợ chung: Chị N và anh A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lại Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Lại Thị N và anh Đỗ Văn A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị N. Không công nhận chị Lại Thị N và anh Đỗ Văn A là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Đỗ Văn T, sinh ngày 10/10/2007 cho anh Đỗ Văn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng

quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Lại Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002409 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thắm